

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BUÔN MA THUẬT
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 17 /2021/HNGĐ-ST

Ngày: 03/02/2021

*“V/v tranh chấp Hôn nhân
và gia đình”*

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUẬT, TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Tú

Các hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Tiến Dũng.

- Ông Nguyễn Văn Hạnh.

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Nữ Hoàng Yến – Cán bộ Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột: Không tham gia.

Ngày 03/02/2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột. Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột đã đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 378/2020/TLST-HNGĐ ngày 07/10/2020 về việc *“Tranh chấp về hôn nhân gia đình”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2021/QĐXXST – HNGĐ ngày 18/01/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Phạm Đình T; Sinh năm: 1989

Địa chỉ: Số 308/3 đường T, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị N; Sinh năm: 1992.

Địa chỉ: Số 308/3 đường T, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. *Trong đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn anh Phạm Đình T trình bày:*

Anh Phạm Đình T kết hôn và chung sống với chị Nguyễn Thị N trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B vào năm 2016. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận và đã có với nhau một con chung là cháu Phạm Tuấn A - sinh ngày 22/10/2017. Tuy nhiên, thời gian gần đây cuộc sống vợ chồng đã phát sinh rất nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân theo anh T là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống dẫn tới cãi vã, thậm chí là xô xát với nhau. Mặc dù đã được gia đình hai bên hòa giải động viên vợ chồng đoàn tụ để nuôi dạy con cái nhưng chỉ được một thời gian ngắn rồi lại phát sinh mâu thuẫn. Chính vì mâu thuẫn thường xuyên xảy ra nên vợ chồng đã sống ly thân được vài tháng và không ai quan tâm đến cuộc sống của ai. Vì vậy, xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng mục đích hôn nhân không đạt được nên anh T đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị N.

2. *Quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa bị đơn chị Nguyễn Thị N trình bày:* Chị Nguyễn Thị N thừa nhận những vấn đề về quan hệ hôn nhân và con chung như anh T trình bày là đúng. Về nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng là do anh T ngoại tình, đã có người phụ nữ khác ở bên ngoài. Chị N đã cùng gia đình khuyên nhủ anh T quay về lo cho gia đình nhưng anh T chẳng những không quay về mà còn đánh đập chị. Tuy nhiên, chị N cho rằng anh T chỉ nhất thời nóng nảy, bản thân chị vẫn còn tình cảm với anh T nên không đồng ý ly hôn với anh T.

Về con chung của vợ chồng: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Phạm Tuấn A, sinh ngày 22/10/2017. Hiện tại cháu đang ở với mẹ. Nay ly hôn anh T có nguyện vọng để cho chị N chăm sóc nuôi dưỡng, anh sẽ có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con với mức 2.000.000đ/tháng. Anh T cũng cho biết mức thu nhập hàng tháng của anh hiện nay từ khoảng 8.000.000đ đến 10.000.000đ. Trường hợp chị N không đồng ý thì anh sẽ có trách nhiệm nuôi dưỡng con chung. Chị N cho rằng nếu tòa giải quyết ly hôn thì chị có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu Phạm Tuấn A cho đến khi cháu trưởng thành và yêu cầu anh T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con với mức 3.000.000đ/tháng.

Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng : Ông, bà không yêu cầu tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, hội đồng xét xử nhận định về nội dung vụ án như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Căn cứ đơn khởi kiện của anh Phạm Đình T, Tòa án nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột xác định quan hệ pháp luật đang tranh chấp là tranh chấp về hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1 Điều 28 của BLTTDS. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Tòa án nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Đình T và chị Nguyễn Thị N tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 07/10/2016. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa anh T và chị N là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Xét về tình trạng hôn nhân của vợ chồng, anh chị đã kết hôn và chung sống với nhau được hơn 4 năm. Thời gian gần đây đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính cách vợ chồng không phù hợp, thường xuyên xảy ra cãi vã, xô xát. Vợ chồng cũng đã cố gắng tha thứ bỏ qua những thiếu sót của nhau để nuôi dạy con cái nhưng vẫn không đem lại kết quả. Hiện tại vợ chồng cũng đã sống ly thân, không ai quan tâm đến cuộc sống của ai. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị N và anh T đã thực sự trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Nay, anh T có nguyện vọng xin được ly hôn với chị N để mỗi người tìm con đường riêng của mình. Vì vậy, cần chấp nhận việc xin ly hôn của anh T.

[3] Về con chung: Trong quá trình chung sống với nhau vợ chồng có 01 con chung cháu Phạm Tuấn A, sinh ngày 22/10/2017. Quá trình giải quyết anh chị có nguyện vọng để cho chị N chăm sóc nuôi dưỡng. Xét cháu Phạm Tuấn A còn nhỏ nên việc giao cháu cho chị N trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp. Vì vậy cần giao con chung của anh, chị cho chị N nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Anh T có nguyện vọng được cấp dưỡng nuôi con với mức 2.000.000đ/tháng, chị N yêu cầu mức cấp dưỡng là 3.000.000đ/tháng. Xét nhu cầu của cháu và khả năng, thu nhập thực tế của anh T, cần buộc anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con với mức 3.000.000đ/tháng là phù hợp. Thời gian cấp dưỡng được tính từ tháng 3/2021.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: các đương sự không yêu cầu nên tòa án không xét.

[6] Về án phí: Anh Phạm Đình T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 203 BLTTDS năm 2015;

Áp dụng các Điều 56, 81, 82; 83; 107 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Áp dụng: khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Phạm Đình T. Anh Phạm Đình T được ly hôn với chị Nguyễn Thị N.

2. Về con chung: Giao cháu Phạm Tuấn A, sinh ngày 22/10/2017 cho chị Nguyễn Thị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Nguyễn Đình T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con với mức 3.000.000đ/tháng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng được tính từ tháng 3/2021.

4. Về án phí: Anh Nguyễn Đình T phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí cấp dưỡng nuôi con. Anh T được khấu trừ số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự Tp. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk theo biên lai số 0012790 ngày 03 tháng 09 năm 2020. Anh Phạm Đình T còn phải nộp tiếp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*).

5. Về quyền kháng cáo: Báo cho các đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.”

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Tp.BMT;
- CCTHADS TP. BMT;
- UBND phường T;
- Các đương sự;
- Lưu HS

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Vũ Văn Tú

